TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST Ngày: 17-7-2020. V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Trương Thị Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ái Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020, về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số nhà 118/4 ấp Cầu Hàng, xã A, huyện C, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Số nhà 118/4 ấp Cầu Hàng, xã A, huyện C, tỉnh L.

(Bà P có mặt; ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, bà Trần Thị Kim P là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trương Văn H được tổ chức lễ cưới vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh L vào ngày 02/01/2003.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vả nhau, hiện nay bà và ông H không còn chung sống với nhau đã trên một năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Trương Văn H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Trương Quốc Th, sinh ngày 30/12/1997, hiện nay đã trưởng thành, sống tự lập được; Trương Quốc L, sinh ngày 10/3/2004 hiện nay ông H đang trực tiếp nuôi dưỡng và Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/3/2013, hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, bà được tiếp tục nuôi con

chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, ông H được tiếp tục nuôi con tên Trương Quốc L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Ông Trương Văn H là bị đơn tại phiên hòa giải ngày 09/7/2020 trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn, buổi đầu chung sống của vợ chồng cũng như mâu thuẫn vợ chồng như bà P trình bày là đúng. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà P, ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có người 03 con chung như bà P trình bày, hiện nay con chung Trương Quốc Th đã trưởng thành, còn Trương Quốc L và Trương Ngọc Quỳnh N do vợ chồng trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trương Quốc L và Trương Ngọc Quỳnh N, ông không yêu cầu bà Trần Thị Kim P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Kim P xin ly hôn với ông Trương Văn H, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết. Ông Trương Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Trương Văn H.

[2] Bà Trần Thị Kim P và ông Trương Văn H được tổ chức lễ cưới năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh L vào ngày 02/01/2003, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của bà Trần Thị Kim P tại phiên tòa và lời khai trình của ông Trương Văn H tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 7 năm 2020, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông H đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay hai người không còn chung sống với nhau đã trên một năm nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tháng 12 năm 2019 bà P đã có đơn xin ly hôn với ông H, đến tháng 01 năm 2020 bà P đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng chung sống với nhau, nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được tốt đẹp, nay bà P tiếp tục có đơn xin ly hôn. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông H. Ông Trương Văn H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại được. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Trần Thị Kim P được ly hôn với ông Trương Văn H, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Hai đương sự có với nhau 03 người con chung tên Trương Quốc Th, sinh ngày 30/12/1997, hiện nay đã trưởng thành, sống tự lập được nên không xem xét việc nuôi dưỡng; Trương Quốc L, sinh ngày 10/3/2004 hiện nay ông H đang trực tiếp nuôi dưỡng và Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/3/2013, hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà P yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Ông H yêu cầu được giữ nuôi hai người con chung tên Trương Quốc L và Trương Ngọc Quỳnh N, không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà P, ông H hiện nay mỗi người đang giữ nuôi một người con chung đã ổn định và theo nguyện vọng của con chung hai đương sự, cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, khi ly hôn bà P được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, ông H được tiếp tục nuôi con tên Trương Quốc L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai đương sự có quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Hai đương sự khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim P được ly hôn với ông Trương Văn H

2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà Trần Thị Kim P được giao giữ nuôi con chung tên Trương Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 08/3/2013; Ông Trương Văn H được giao giữ nuôi con chung tên Trương Quốc L, sinh ngày 10/3/2004, đến tuổi trưởng thành. Hai đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; được quyền đến thăm

nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng sang khoản án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0000423 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thái